BÀI CHUYÊN ĐỀ 2 LỊCH SỬ 12 NĂM HỌC 2025-2026
CHUYÊN ĐỀ 2: NHẬT BẢN: HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY
****

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, những khó khăn lớn nhất đối với Nhật Bản là
A. bại trận, thiệt hại trong chiến tranh. B. thiếu tài nguyên thiên nhiên, thiên tai.
C. kinh tế theo chế độ tập trung mang tính dòng họ. D. phụ thuộc vào Mĩ, bị Mĩ chiếm đóng.

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản có khó khăn gì mà các nước tư bản Đồng minh chống phát xít không có?
A. Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh. B. Là nước bại trận, mất hết thuộc địa.
C. Thiếu thốn lương thực, thực phẩm. D. Phải dựa vào viện trợ của Mĩ.

Câu 2. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) có tác động như thế nào đến tình hình Nhật Bản sau khi bước ra khỏi cuộc chiến?
A. Tàn phá nặng nề đất nước Nhật. B. Giúp Nhật Bản giàu lên nhanh chóng.
C. Mang lại cho Nhật Bản nhiều thuộc địa. D. Giúp Nhật Bản tăng cường ảnh hưởng.

Câu 3. Tình hình kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai là
A. chiến tranh tàn phá nặng nề. B. ổn định và phát triển nhanh chóng.
C. Nhân dân Nhật Bản nổi dậy nhiều nơi D. Các Đảng phái tranh giành quyền lực

Câu 4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lực lượng quân đội nước nào chiếm đóng Nhật Bản dưới danh nghĩa lực lượng Đồng minh?
A. Anh. B. Liên Xô. C. Mĩ. D. Pháp.

Câu 5. Biện pháp nào sau đây **không** được thực hiện trong thời gian Mỹ chiếm đóng Nhật Bản (1945-1952)?
A. Giải giáp quân đội Nhật. B. Xóa bỏ chủ nghĩa quân phiệt.
C. Ban hành Hiến pháp mới (1947). D. Phát triển công nghiệp quốc phòng.

Câu 6. Những biện pháp thúc đẩy kinh tế Nhật phát triển từ 1945 -1952 là
A. Thực hiện 3 cuộc cải cách lớn. B. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế.
C. Nhờ sự giúp đỡ của các nước Tây Âu. D. Áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật.

Câu 7. Cuộc cải cách nào **không** được thực hiện ở Nhật Bản trong những năm 1945-1952?
A. Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế. B. Cải cách ruộng đất.
C. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp. D. Dân chủ hóa lao động.

Câu 8. Lực lượng thực hiện cải cách dân chủ ở Nhật Bản trong những năm 1945–1952 là
A. Chính phủ Nhật Bản. B. Thiên Hoàng.
C. Nghị viện Nhật Bản. D. Bộ chỉ huy tối cao lực lượng quân đồng minh.

Câu 9. Trong thời gian chiếm đóng tại Nhật Bản, Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh đã làm gì?
A. Thực hiện nhiều cải cách dân chủ về chính trị, kinh tế.
B. Xóa bỏ hoàn toàn bộ máy chính quyền ở Nhật Bản.
C. Bồi thường chiến phí cho các nước đã từng bị phát xít Nhật chiếm đóng.
D. Thực hiện dân chủ hoá nước Nhật, nhưng vẫn dung túng cho các thế lực quân phiệt hoạt động.

Câu 10. Từ năm 1952 đến năm 1973, tình trạng mất cân đối của kinh tế Nhật Bản được biểu hiện như thế nào?
A. Kinh tế chủ yếu phát triển ở ba trung tâm là Tôkiô, Ôxaca và Nagôia, giữa công nghiệp và nông nghiệp.
B. Chưa giải quyết được mối quan hệ giữa tăng trưởng với công bằng xã hội.
C. Chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, sự cạnh tranh quyết liệt của Mĩ và Tây Âu.
D. Tồn tại tình trạng phân biệt giàu nghèo, giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Câu 11. Giai đoạn phát triển kinh tế Nhật Bản từ năm 1960 đến năm 1973 được gọi là
A. giai đoạn khôi phục kinh tế. B. giai đoạn phát triển nhanh.
C. giai đoạn phát triển "thần kì". D. trở thành "con rồng" của châu Á.
Câu 12. Trong sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác?
A. Lợi dụng vốn nước ngoài. B. Áp dụng khoa học-kĩ thuật.
C. truyền thống tự lực tự cường. D. "Len lách" xâm nhập vào thị trường các nước.
Câu 13. Khoa học – kĩ thuật của Nhật Bản chủ yếu tập trung vào lĩnh vực
A. công nghiệp dân dụng. B. công nghiệp hàng không vũ trụ.
C. công nghiệp phần mềm. D. công nghiệp xây dựng.
Câu 14. Định hướng phát triển của khoa học - kỹ thuật của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
A. tập trung vào lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng.
B. tập trung vào phát triển công nghiệp quân sự.
C. tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chinh phục vũ trụ.
D. tập trung vào nghiên cứu khắc phục tình trạng khan hiếm tài nguyên.
Câu 15. Điểm tương đồng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản và Anh trong những năm 1950 - 1973 là
A. củng cố mối quan hệ với các nước lớn ở châu Á như Ấn Độ, Trung Quốc.
B. đối đầu quyết liệt với Liên Xô và các nước Đông Âu.
C. ủng hộ cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ.
D. tập trung xây dựng, củng cố mối quan hộ với các nước trong khối ASEAN.
Câu 16. Một trong những dấu hiệu chứng tỏ Nhật Bản là siêu cường tài chính số 1 thế giới trong nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX là
A. dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2 lần Mĩ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, là chủ nợ của thế giới.
B. trở thành chủ nợ của thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, gấp 3 lần của Mĩ.
C. dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mĩ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, là chủ nợ lớn nhất thế giới.
D. trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 1,5 lần Cộng hòa Dân chủ Đức, gấp 3 lần của Mĩ.
Câu 17. Con đường nào sau đây Nhật chọn để bảo vệ an ninh quốc gia sau chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Tập trung sản xuất vũ khí.
B. Kí hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật.
C. Bắt tay với các nước xã hội chủ nghĩa châu Á.
D. chấm dứt Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật.
Câu 18. Sự kiện đặt nền tảng mới cho quan hệ giữa Mĩ và Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai là
A. Mĩ viện trợ cho Nhật Bản. B. Mĩ đóng quân tại Nhật Bản.
C. Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật. D. Mĩ xây dựng căn cứ quân sự trên đất Nhật.
Câu 19. Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật (1951) có ý nghĩa như thế nào đối với Nhật Bản?
A. Nhật Bản hoàn toàn độc lập về quân sự. B. Nhật Bản trở thành đồng minh thân cận của Mỹ.
C. Mỹ rút hết quân khỏi Nhật Bản. D. Nhật Bản phát triển vũ khí hạt nhân.
Câu 20. Liên minh an ninh Mỹ - Nhật (1951) quy định điều gì?
A. Nhật Bản được bảo vệ hạt nhân bởi Mỹ. B. Nhật Bản là chư hầu của Mỹ.

C. Nhật Bản cho Mỹ thuê các căn cứ quân sự. D. Mỹ viện trợ không hoàn lại cho Nhật.

Câu 21. Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, về quân sự, Nhật Bản khác với các nước tư bản Tây Âu ở chỗ

A. không tham gia bất kì tổ chức quân sự nào của Mĩ. B. không sản xuất vũ khí cho Mĩ.

C. không có quân đội thường trực. D. không có lực lượng phòng vệ.

Câu 22. Nội dung nào sau đây **không** phải là biện pháp khôi phục đất nước của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Nhận viện trợ của Mĩ qua hình thức vay nợ để phát triển.

B. Xây dựng lực lượng quân sự hùng mạnh để đối phó với Trung Quốc.

C. Ban hành Hiến pháp mới và tiến hành nhiều cải cách dân chủ tiến bộ

D. Loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt và bộ máy chiến tranh của Nhật Bản.

Câu 23. Điểm chung của chính sách đối ngoại của Nhật, Tây Âu thời kì khôi phục kinh tế là

A. liên minh chặt chẽ với Mĩ. B. xâm lược trở lại các nước thuộc địa.

C. quan hệ với các nước Á – Phi – Mĩ latinh. D. quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 24. Tại sao liên minh chặt chẽ với Mĩ lại trở thành chính sách đối ngoại xuyên suốt của Nhật Bản?

A. Vì Mĩ là cường quốc số 1 thế giới.

B. Vì Nhật Bản chưa có đủ tiềm lực để thoát khỏi sự ảnh hưởng của Mĩ.

C. Vì Nhật Bản muốn tập trung phát triển kinh tế.

D. Vì Nhật Bản muốn lợi dụng Mĩ để cạnh tranh với Tây Âu, Trung Quốc và các nước công nghiệp mới.

Câu 25. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân chủ yếu nào khiến Nhật Bản thực hiện chính sách đối ngoại liên minh chặt chẽ với Mỹ?

A. Để tiếp tục nhận viện trợ của Mỹ. B. Tiếp tục giảm chi phí quốc phòng.

C. Bảo đảm lợi ích quốc gia của Nhật Bản. D. Giúp Mỹ thực hiện Chiến lược toàn cầu.

Câu 26. Năm 1996 Mĩ và Nhật Bản đã khẳng định

A. chấm dứt Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật.

B. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được gia hạn thêm 10 năm.

C. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được gia hạn thêm 20 năm.

D. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kéo dài vĩnh viễn.

Câu 27. Từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX, chính sách đối ngoại của Nhật Bản có điểm gì mới?

A. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Liên Xô trên mọi lĩnh vực.

B. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Ấn Độ trên mọi lĩnh vực.

C. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Đông Nam Á, tổ chức ASEAN trên mọi lĩnh vực.

D. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Trung Quốc trên mọi lĩnh vực.

Câu 28. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển "thần kỳ" trong những năm 60 – 70 của thế kỷ XX là gì?

A. biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.

B. biết áp dụng khoa học - kỹ thuật để tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật và hạ giá thành hàng hóa.

C. biết "len lách" xâm nhập thị trường các nước đang phát triển.

D. nhờ những cải cách dân chủ đã thực hiện trong những năm 1945 – 1952.

Câu 29. Điểm tương đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế Mĩ và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật vào trong sản xuất. B. quân sự hoá nền kinh tế.

C. chi phí cho quốc phòng thấp. D. hợp tác có hiệu quả trong các tổ chức khu vực.

Câu 30. Biện pháp mà Nhật Bản thực hiện trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật để đạt hiệu quả cao nhất là

A. Mua bằng phát minh sáng chế. B. Hợp tác với các nước khác.

C. Đánh cắp bằng phát minh sáng chế. D. Đầu tư nghiên cứu khoa học.

Câu 31. Điểm khác nhau cơ bản giữa Nhật và các nước tư bản trong việc đầu tư cho khoa học – kĩ thuật là

A. thu hút các nhà khoa học thế giới. B. khuyến khích đãi ngộ các nhà khoa học.

C. mua bằng phát minh của nước ngoài. D. chi phí rất lớn cho khoa học– kĩ thuật.

Câu 32. Việc đầu tư để rút ngắn khoảng cách về sự phát triển khoa học- kĩ thuật của Nhật Bản có nét khác biệt so với các nước tư bản khác là

A. Mua bằng phát minh sáng chế và chuyển giao công nghệ.

B. Đầu tư cho giáo dục, xem đó là quốc sách hàng đầu.

C. Đầu tư chi phí cho nghiên cứu khoa học.

D. Khuyến khích các nhà khoa học trên thế giới sang Nhật làm việc.

Câu 33. Nguyên nhân chính khiến Nhật Bản không chi tiêu nhiều cho quốc phòng là

A. nằm trong vùng thường xảy ra thiên tai, động đất, sóng thần.

B. nằm trong "chiếc ô" bảo hộ hạt nhân của Mĩ.

C. lãnh thổ nhỏ hẹp, tài nguyên khoáng sản không nhiều.

D. dân cư đông nên không cần thiết đầu tư nhiều vào quốc phòng.

Câu 34. GDP giành cho quốc phòng của Nhật Bản chỉ dưới 1% tổng GDP vì

A. nền công nghiệp quốc phòng của Nhật phát triển mạnh mẽ.

B. Nhật đứng dưới "chiếc ô" bảo hộ hạt nhân của Mĩ.

C. Nhật thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, trung lập.

D. Nhật đã có lực lượng quân đội thường trực hùng mạnh.

Câu 35. Hai sự kiện nào sau đây xảy ra trong năm 1956 và có ý nghĩa quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật?

A. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc.

B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam và Trung Quốc.

C. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mĩ và tây Âu.

D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với ASEAN và Liên minh châu Âu.

Câu 36. Sự phát triển "thần kì của Nhật Bản" được thể hiện rõ nhất ở điểm nào?

A. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ hai trên thế giới

B. Trong khoảng hơn 20 năm (1950 - 1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần.

C. Từ thập niên 70 (thế kỉ XX), Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư bản (cùng với Mĩ, Tây Âu).

D. Từ nước chiến bại, hết sức khó khăn thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế.

Câu 37. Thập kỉ 70 Nhật trở thành

A. quốc gia đi đầu trong lĩnh vực y học.

B. một trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới

C. một trong 3 trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới.

D. cường quốc công nghiệp đứng nhất thế giới.

Câu 38. Ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới hình thành vào thập niên 70 của thế kỉ XX là

A. Mĩ, Anh, Pháp. B. Mĩ, Liên Xô, Nhật Bản.

C. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu. D. Mĩ, Đức, Nhật Bản.

Câu 39. Kinh tế Nhật phát triển nhưng phải đối đầu với sự cạnh tranh quyết liệt của các nước

A. Mĩ và Tây Âu. B. Trung Quốc và Hàn Quốc.

C. Hàn Quốc và Thái Lan. D. Đông Nam Á và Hàn Quốc.

Câu 40. Kinh tế Nhật phát triển thần kì nhưng cũng thường gặp nhiều hạn chế. Theo em hạn chế nào là cơ bản nhất?

A. Nhập nguyên liệu. B. Mĩ và Tây Âu cạnh tranh.

C. Các nước NIC cạnh tranh. D. Mất cân đối giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Câu 41. Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?

A. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

B. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước công nghiệp mới.

C. Lâm vào tình trạng suy thoái kéo dài.

D. Là nước có nền kinh tế phát triển nhất.

Câu 42. Từ năm 1973 đến nay, Nhật Bản đối mặt với khó khăn gì lớn nhất?

A. Chiến tranh lạnh. B. Khủng hoảng năng lượng và suy thoái kinh tế.

C. Sự cạnh tranh của Trung Quốc. D. Thiếu nguồn lao động nghiêm trọng.

Câu 43. Sau năm 1973, Nhật Bản chú trọng phát triển ngành công nghiệp nào?

A. Dệt may. B. Thép. C. Công nghệ cao (điện tử, tin học). D. Khai khoáng.

Câu 44. Ý nào dưới đây thể hiện đúng đặc điểm của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 1973 - 2000?

A. Phát triển liên tục không gặp khủng hoảng.

B. Phát triển xen kẽ với khủng hoảng, suy thoái.

C. Suy thoái liên tục do khủng hoảng năng lượng.

D. Trở thành nền kinh tế đứng đầu thế giới thay Mỹ.

Câu 45. Sự kiện đánh dấu sự "trở về" châu Á của Nhật Bản là

A. Hiệp ước hoà bình và hữu nghị Trung- Nhật được kí kết (1978).

B. học thuyết Kai-phu (1991) được đề ra.

C. học thuyết Phu-cư-đa (1977) được đề ra.

D. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kéo dài vĩnh viễn.

Câu 46. Tháng 8 - 1977, ở Nhật có sự kiện gì thể hiện sự thay đổi trong chính sách ngoại giao?

A. Hiệp ước hòa bình và hữu nghị Nhật -Trung. B. Học thuyết Kai-phu.

C. Học thuyết Phucađa. D. Học thuyết Hayatô.

Câu 47. Việt Nam có thể rút ra bài học gì về sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.

B. Liên minh chặt chẽ với các cường quốc tư bản.

C. Đầu tư phát triển khoa học và chú trọng giáo dục.

D. Giảm chi phí cho quốc phòng để tập trung phát triển kinh tế.

Câu 48. Điểm giống nhau giữa Nhật Bản và bốn "con rồng" kinh tế của châu Á trong thế kỉ XX là

A. đều đẩy mạnh cải cách dân chủ, cải cách mở cửa, hội nhập quốc tế.

B. không đặt quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

C. không chi nhiều tiền của cho quốc phòng, an ninh

D. không tham gia bất kì liên minh chính trị, quân sự nào

Câu 49. Nhật Bản đã tận dụng các cuộc chiến tranh nào để làm giàu cho chính mình?

A. Chiến tranh triều Tiên B. Chiên tranh Việt Nam và chiến tranh Lào.

C. Chiến tranh Lào và chiến tranh Campuchia. D. Chiến tranh Việt Nam và chiến tranh Triều Tiên

Câu 50. Nhân tố khách quan nào giúp kinh tế Nhật Bản phát triển "thần kỳ" (1950-1973)?

A. Nhận viện trợ từ Mỹ. B. Chiến tranh Triều Tiên (1950) và Việt Nam (1954-1975).

C. Chi phí quốc phòng thấp. D. Áp dụng khoa học kỹ thuật.

Câu 51. Cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953) và chiến tranh Việt Nam (1954 - 1975) có tác động như thế nào đến sự phát triển của kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Là cơ hội để làm giàu của Nhật Bản.
B. Buộc Nhật Bản phải cắt giảm ngân sách kinh tế để dành cho quốc phòng.
C. Thu hẹp thị trường truyền thống của Nhật Bản.
D. Mối quan hệ của Nhật với Mĩ có sự rạn nứt nhất định.
Câu 52. Dựa vào nguyên nhân khách quan nào mà Nhật trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới?
A. Sự điều tiết, quản lý của nhà nước. B. Áp dụng khoa học kĩ thuật.
C. Tận dụng các yếu tố bên ngoài. D. Chi phí quốc phòng thấp.
Câu 53. Yếu tố khách quan có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản là
A. Chi phí cho quốc phòng thấp (không vượt quá 1% GDP).
B. Áp dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại.
C. Các cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra trong thời kì Chiến tranh lạnh.
D. Con người Nhật Bản năng động, cần cù, thông minh,…
Câu 54. Theo hiến pháp năm 1947, thể chế chính trị của Nhật là gì?
A. Dân chủ tư sản đại nghị. B. Quân chủ lập hiến.
C. Quân chủ chuyên chế. D. Cộng hòa.
Câu 55. Sau khi loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt và bộ máy chiến tranh, Nhật Bản đi theo chế độ chính trị nào?
A. Quân chủ lập hiến. B. Dân chủ đại nghị tư sản.
C. Quân chủ cộng hòa. D. Dân chủ lập hiến.
Câu 56. Hiến pháp năm 1947 của Nhật Bản có điểm gì đặc biệt?
A. Nhật Bản trở thành nước quân chủ chuyên chế.
B. Nhật Bản cam kết không duy trì lực lượng quân đội chiến tranh.
C. Nhật Bản phát triển vũ khí hạt nhân.
D. Nhật Bản cho phép Mỹ đóng quân vĩnh viễn.
Câu 57. Hiến pháp 1947 quy định ai là người đứng đầu chính phủ Nhật?
A. Thủ tướng. B. Thiên hoàng. C. Tổng thống. D. Chủ tịch nghị viện.
Câu 58. Theo hiến pháp, ai là người đứng đầu chính phủ, giữ quyền hành pháp?
A. Thủ tướng. B. Tổng thống. C. Bộ trưởng. D. Hạ viện.
Câu 59. Đến năm 1968, Nhật Bản vươn lên thành cường quốc thứ mấy trong thế giới tư bản**?**
A. Đứng đầu B. Thứ 2 C. Thứ 3 D. Thứ 4
Câu 60. Nhân tố quyết định hàng đầu cho sự phát triển kinh tế của Nhật Bản đó là
A. Sự hỗ trợ của Mỹ. B. Chi phí cho quốc phòng ít.
C. Các công ty Nhật Bản năng động. D. Yếu tố con người.
Câu 61. Nhân tố nào được xem là yếu tố quan trọng nhất đưa đến sự phát triển thần kì về kinh tế của Nhật?
A. Con người. B. Chi phí quốc phòng thấp.
C. Viện trợ từ bên ngoài. D. Buôn bán vũ khí.
Câu 62. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, về đối ngoại Nhật Bản thực hiện chủ trương nào sau đây?
A. Liên minh với Trung Quốc B. Liên minh với Liên Xô
C. Liên minh với ASEAN D. Liên minh với Mỹ
Câu 63. Vì sao sau thế chiến II, quan hệ đối đầu trong chiến tranh quan hệ Mĩ Nhật nhanh chóng chuyển thành quan hệ đồng minh?

A. Vì đó là xu thế chung của thế giới. B. Vì Nhật Bản bị Mĩ chiếm đóng
C. Xuất phát từ lợi ích của hai quốc gia. D. Vì Nhật Bản là đồng minh của Mĩ
Câu 64. Từ năm 1973 đến năm 1993, Đảng nào tiếp tục cầm quyền ở Nhật Bản
A. LDP B. LID C. LHP D. LPI
Câu 65. Từ đầu những năm 90 để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế, Nhật Bản đã
A. Nỗ lực vươn lên thành 1 cường quốc chính trị.
B. Vươn lên thành 1 cường quốc quân sự
C. Tăng cường xâm lược thống trị thế giới
D. Vận động là ủy viên của hội đồng bảo an Liên hợp quốc
Câu 65. Mục tiêu chính trong chính sách đối ngoại Nhật Bản đầu thế kỷ XXI là gì?
A. Trở thành cường quốc quân sự hàng đầu. B. Vươn lên trở thành cường quốc chính trị.
C. Hạn chế giao thương quốc tế. D. Tập trung vào các nước châu Âu.
Câu 66. Từ năm 2002- 2007 thủ tướng nào đã đưa ra chính sách tái cơ cấu kinh tế đưa đến những khởi sắc cho nền kinh tế Nhật Bản
A. Côi dư-mi B. LSin-giô A-bê C. Suga Yoshihide D. Koizumi Junichiro
Câu 67. Năm 2012, Ai đã đưa các chính sách kinh tế (còn được gọi là Abenomics) nhằm phục hưng nền kinh tế Nhật Bản sau "hai thập kỉ mất mát".
A. Côi dư-mi. B. Koizumi Junichiro. C. Suga Yoshihide. D. Sin-giô A-bê**.**
Câu 68. Nhật Bản luôn coi quan hệ đồng minh với nước nào là mối quan hệ quan trọng và hợp tác chặt chẽ để giải quyết nhiều vấn đề trong quan hệ quốc tế?
A. Hàn Quốc. B. Trung Quốc. C. Mỹ. D. Nga.
Câu 69. Trong chính sách đối ngoại đầu thế kỷ XXI, Nhật Bản tăng cường quan hệ đặc biệt với quốc gia nào?
A. Nga. B. Mỹ. C. Trung Quốc. D. Triều Tiên.
Câu 70. Tháng 01 năm 2016 Nhật Bản đã công bố xây dựng một xã hội nào?
A. " Xã hội 5.0". B. " Xã hội 4.0". C. " Xã hội 2.0". D. Công nghiệp.
Câu 71. Ai vừa là chủ thể quản lý kinh tế vừa là chủ thể đầu tư đối với các lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế?
A. Giáo dục. B. Văn hóa. C. Nhà nước. D. Doanh nghiệp.
Câu 72. Các công ty, xí nghiệp Nhật Bản có triết lí quản lý nào sau đây
A. Kai-gien. B. Văn hóa làm việc 996. C. Chế độ làm việc 886. D. Văn hóa 007.
Câu 73. Trang phục truyền thống của Nhật Bản là
A. Sari. B. Hanbok. C. Sabai. D. Kimono.
Câu 74. Năm 1973 Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với nước nào?
A. Việt Nam. B. Trung Quốc. C. Lào. D. Liên hợp quốc.
Câu 75. Một trong những hạn chế tình hình xã hội Nhật từ 1973-2000 là
A. dân số trẻ. B. thừa lao động. C. mâu thuẫn giai cấp. D. già hóa dân số.
Câu 76. Thách thức lớn nhất đối với xã hội Nhật Bản từ đầu thế kỷ XXI là
A. thiếu hụt tài nguyên thiên nhiên. B. dân số già và tỷ lệ sinh giảm.
C. ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. D. tỷ lệ thất nghiệp cao kỷ lục.
Câu 77. Nền kinh tế Nhật những năm 80 thế kỉ XX
A. Đứng thứ ba thế giới. B. siêu cường tài chính.
C. con rồng kinh tế Châu Á. D. gia nhập toàn cầu hóa.
Câu 78. Nhân tố khách quan nào làm cho kinh tế Nhật phát triển không ổn định từ 1973-2000?
A. Tác động khủng hoảng năng lượng 1973. B. Sản xuất bị đình đốn.
C. Bị chiến tranh tàn phá. D. Nghèo tài nguyên.

Câu 78. Nguyên nhân khách quan nào dẫn đến sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản từ năm 1973?
A. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
B. Chi phí sản xuất tăng cao.
C. Sự cạnh tranh của các nước công nghiệp mới.
D. Đầu tư vào quốc phòng quá lớn.
Câu 79. Đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế Nhật Bản trong giai đoạn 1973 - 2000 là gì?
A. Phát triển thần kỳ và liên tục.
B. Khủng hoảng trầm trọng không thể phục hồi.
C. Phát triển không ổn định, xen kẽ với suy thoái.
D. Chuyển sang nền kinh tế thuần nông.
Câu 80. Sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản (1973-2000) **không** xuất phát từ nguyên nhân nào sau đây?
A. Tác động của các cuộc khủng hoảng kinh tế - năng lượng.
B. Sự cạnh tranh gay gắt của Mỹ, Tây Âu và các nước NICs.
C. Nguồn tài nguyên thiên nhiên trong nước dồi dào.
D. Cơ cấu kinh tế chưa hợp lý.
Câu 81. Từ năm 1991 đến năm 2000 Nhật Bản mở rộng hoạt động đối ngoại với các đối tác khác đến phạm vi toàn cầu và chú trọng phát triển quan hệ với các nước :
A. EU. B. Đông Âu. C. Châu Phi. D. Đông Nam Á.
Câu 82. Ngày 21/9/1973 Nhật thiết lập quan hệ ngoại giao với
A. Việt Nam. B. Trung Quốc. C. Thái Lan. D. Campuchia.
Câu 83. Đặc điểm nổi bật về kinh tế Nhật Bản đầu thế kỷ XXI là gì?
A. Phát triển thần kỳ và đứng đầu thế giới.
B. Lâm vào khủng hoảng suy thoái trầm trọng nhất.
C. Duy trì vị thế cường quốc nhưng tăng trưởng chậm và chịu cạnh tranh lớn.
D. Tập trung hoàn toàn vào công nghiệp nặng.
Câu 84. Sự kiện thiên tai nào đã ảnh hưởng lớn đến kinh tế - xã hội Nhật Bản năm 2011?
A. Động đất và sóng thần. B. Núi lửa phun trào.
C. Bão lớn. D. Hạn hán kéo dài.
Câu 85. Một trong những thách thức Nhật Bản phải đối diện
A. khủng hoảng năng lượng 1973. B. khủng hoảng tài chính Châu Á.
C. thiếu tài nguyên. D. trình độ dân trí thấp.
Câu 86. Tốc độ gia tăng dân số hàng năm của Nhật Bản giảm sẽ dẫn đến hệ quả là
A. Thiếu lao động trong tương lai. B. Tuổi thọ trung bình giảm
C. Chất lượng cuộc sống giảm. D. Chất lượng giáo dục giảm sút.
Câu 87. Nhà nước giữ vai trò nào trong nền kinh tế thị trường?
A. Định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế.
B. Trực tiếp đầu tư phát triển kinh tế.
C. Động lực chính thức để phát triển mạnh nền kinh tế.
D. Huy động toàn bộ nguồn lực kinh tế trong nhân dân.
Câu 88. Một trong những phương thức quản trị của các công ty Nhật Bản là
A. chế độ làm việc trọn đời, phúc lợi, thâm niên.
B. Điều kiện giáo dục, y tế và mức sống cho người dân.
C. Xây dựng một "Nhà nước phúc lợi chung".
D. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.

Câu 89. Trang phục truyền thống của Nhật Bản là
A. Sari B. Hanbok C. Sabai D. Kimono
Câu 90. Nội dung nào sau đây là nét văn hóa truyền thống đặc sắc của người dân Nhật Bản?
A. Mặc Kimono vào dịp lễ tết, cưới hỏi. B. Tổ chức lễ hội Té nước vào dịp đầu năm.
C. Mặc Hanbok vào dịp lế tết, cưới hỏi. D. Sử dụng kim chi trong bữa ăn hàng ngày.
Câu 91. Đặc điểm cơ bản nhất trong đời sống văn hóa Nhật Bản là gì?
A. Sự pha trộn văn hóa của nhiều châu lục.
B. Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố truyền thống và hiện đại.
C. Sự chi phố của văn hóa phương Tây.
D. Sự biến đổi nhanh chóng của các yếu tố văn hóa truyền thống.
Câu 92. Bài học kinh nghiệm quan trọng nhất Nhật Bản để lại cho các nước đang phát triển, bao gồm Việt Nam, là gì?
A. Coi trọng giáo dục và con người. B. Nhập khẩu công nghệ hiện đại.
C. Xây dựng quân đội mạnh. D. Tập trung phát triển công nghiệp nặng.
Câu 93. Đặc điểm nổi bật của nền nông nghiệp Nhật Bản là
A. Quy mô lớn, sử dụng nhiều máy móc. B. Chú trọng thâm canh, áp dụng khoa học kỹ thuật.
C. Phát triển chăn nuôi bò sữa là chính. D. Diện tích đất canh tác lớn.
Câu 94. Việt Nam có thể rút ra bài học gì về sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.
B. Liên minh chặt chẽ với các cường quốc tư bản.
C. Đầu tư phát triển khoa học và chú trọng giáo dục.
D. Giảm chi phí cho quốc phòng để tập trung phát triển kinh tế.
Câu 95. Điểm giống nhau giữa Nhật Bản và bốn "con rồng" kinh tế của châu Á trong thế kỉ XX là
A. đều đẩy mạnh cải cách dân chủ, cải cách mở cửa, hội nhập quốc tế.
B. không đặt quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
C. không chi nhiều tiền của cho quốc phòng, an ninh.
D. không tham gia bất kì liên minh chính trị, quân sự nào.
Câu 96. Chủ thể quản lý kinh tế vừa là chủ thể đầu tư đối với các lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế Nhật là
A. Giáo dục. B. Văn hóa. C. Nhà nước. D. Doanh nghiệp.
Câu 97. Một trong những bài học thành công từ lịch sử Nhật Bản là
A. vai trò nhà nước. B. nhận viện trợ từ bên ngoài.
C. Học thuyết Phu cư đa. D. phục hưng kinh tế.
Câu 98. Vai trò của Nhà nước Nhật Bản trong sự phát triển kinh tế là gì?
A. Can thiệp sâu, quy định mọi hoạt động doanh nghiệp.
B. Để mặc kinh tế thị trường tự điều tiết.
C. Kiến tạo, quy hoạch chiến lược và điều tiết kinh tế vĩ mô.
D. Không tham gia vào kinh tế.
Câu 99. Các công ty, xí nghiệp Nhật Bản có triết lí quản lý nào sau đây
A. Kai-gien B. Văn hóa làm việc 996 C. Chế độ làm việc 886 D. Văn hóa 007
Câu 100. Bài học kinh nghiệm quan trọng nhất mà Việt Nam có thể học tập từ sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh là gì?
A. Nhập khẩu công nghệ hiện đại. B. Coi trọng giáo dục và phát triển con người.
C. Đẩy mạnh xuất khẩu nông sản. D. Vay vốn nước ngoài.

Câu 101. Yếu tố được coi là "chìa khóa" giúp Nhật Bản nhanh chóng khôi phục và phát triển kinh tế sau năm 1945 là
A. tài nguyên thiên nhiên phong phú. B. sự viện trợ không hoàn lại của Mỹ.
C. con người được đào tạo, có kỷ luật và tính sáng tạo cao. D. chi phí quốc phòng lớn.
Câu 102. Trong các bài học thành công, Nhật Bản đã thực hiện chính sách gì đối với khoa học - kỹ thuật?
A. Tự nghiên cứu toàn bộ mà không nhập khẩu.
B. Chỉ mua bằng sáng chế từ Mỹ.
C. Mua bằng sáng chế, kết hợp đẩy mạnh nghiên cứu trong nước.
D. Hạn chế ứng dụng công nghệ mới.
Câu 103. Đặc điểm nổi bật trong quản lý kinh tế của các doanh nghiệp Nhật Bản là gì?
A. Đề cao tính cạnh tranh cá nhân. B. Mô hình quản lý gia đình trị.
C. Đề cao vai trò tập thể, gắn bó nhân viên với công ty.D. Chỉ sử dụng lao động trẻ.
Câu 104. Nhận định nào sau đây **không** đúng về bài học thành công của Nhật Bản?
A. Đề cao vai trò của nhà nước trong quản lý.
B. Coi trọng giáo dục, con người.
C. Phụ thuộc hoàn toàn vào viện trợ nước ngoài.
D. Tập trung vào các ngành công nghiệp dân dụng.